

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2021

V/v “Tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Từ Tứ Hải

- Bà Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Kiều O**, sinh năm: 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Thạnh L, xã Thạnh Đ, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Phạm Thành K** – sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thạnh L, xã Thạnh Đ, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Kiều O trình bày: Chị và anh Phạm Thành K chung sống với nhau vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép, trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước một năm ,vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 01/08/2018 tại UBND xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Sau khi chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến tháng 2 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là giữa chị anh Kiêm luôn bất đồng quan

điểm với nhau trong cuộc sống, không hiểu nhau dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc.

Nay chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thị Kiều T, sinh ngày 30/11/2019. Cháu T hiện nay do anh K nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung.

Nay tại tòa án chị Bùi Thị Kiều O yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Thành K.

- Về con chung: Chị đồng ý giao cháu Phạm Thị Kiều T, sinh ngày 30/11/2019 cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Thành K: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho anh Phạm Thành K tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh Kiếm đều không có mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Phạm Thành K đang cư trú tại ấp Thạnh L, xã Thạnh Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Thành K mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, phía chị O đồng ý xét xử vắng mặt anh K. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh K là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại xã Thạnh Đ, huyện Tân Hiệp ngày 01/8/2018 theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị O là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, vợ chồng anh chị chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 2/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh, chị có nhiều quan điểm bất đồng, không thấu hiểu lẫn nhau, anh K hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cự cãi đời sống chung không tìm thấy hạnh phúc. Lâu dần mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không có khả năng hàn gắn, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, do đó anh Kiêm, chị O đã ly thân từ tháng 2/2020 cho đến nay.

Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã động viên chị O trở về chung sống với anh K để cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nhưng chị O xác định tình cảm giữa chị và anh K không còn, chị không thể chung sống với anh K được nữa nên chị cương quyết ly hôn với anh K.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian ly thân vợ chồng anh K, chị O không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, không thể hiện được tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;.... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...”, điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng không khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ cho anh K tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như triệu tập anh K tham gia phiên tòa nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ rằng anh K không có thiện chí muốn hòa giải để trở về tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị O.

[4] Về con chung: Hội đồng sơ thẩm xét thấy, trong quá trình chung sống vợ chồng anh K, chị O có 01 con chung là Phạm Thị Kiều T, sinh ngày 30/11/2019, hiện nay cháu T đang được anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, tuy hiện tại cháu T dưới 36 tháng tuổi, nhưng từ khi vợ chồng anh K, chị O ly thân cho đến nay vẫn được anh K nuôi dưỡng, nếu đột ngột thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi vợ chồng anh, chị ly hôn thì ít nhiều cũng ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của cháu T. Hơn nữa, về phía chị O xác định anh K vẫn đang nuôi dưỡng cháu T được phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần, chị thống nhất giao T cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử

thống nhất giao cháu Phạm Thị Kiều T cho anh K tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về cấp dưỡng, do quá trình giải quyết vụ án anh K không có yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị O xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Kiều O.

Về quan hệ hôn nhân: Chị O được ly hôn với anh K

Về quan hệ con chung: Giao cháu Phạm Thị Kiều T, sinh ngày 30/11/2019 cho anh Phạm Thành K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Bùi Thị Kiều O không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bùi Thị Kiều O được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị Kiều O phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Kiều O.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Kiều O được ly hôn với anh Phạm Thành K.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Phạm Thị Kiều T, sinh ngày 30/11/2019 cho anh Phạm Thành K tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Bùi Thị Kiều O không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bùi Thị Kiều O được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa miễn xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Kiều O phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007975 ngày 28/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Kiều O, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với anh Phạm Thành K có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã Thạnh Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

